

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2019/DS-PT

Ngày: 20-11-2019

V/v tranh chấp về bồi
thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua.

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 275/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963; *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1966; *(có mặt)*

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm: 1961; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019). *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông có quyền sử dụng đất thửa 144, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.380,1m² tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện M giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn Út. Do đất ông bị sặc lở nên ông thuê người cắm 06 cây trụ dừa cặp bờ mương trong phần đất của ông vào ngày 07/01/2019 để giữ bờ. Đến ngày 09/01/2019 ông về thăm đất thì phát hiện 06 trụ dừa bị chặt dây ngã xuống mương, đồng thời các cây dừa nước cũng bị chặt chết. Sau đó ông được biết là do bà Võ Thị L là người chặt dây xô ngã các trụ dừa và chặt lá dừa nước do không bơi xuống đi qua được. Qua nhiều lần ông yêu cầu bà L khắc phục việc cắm lại các trụ dừa và không chặt phá dừa nước nữa nhưng bà L không đồng ý.

Nay, ông yêu cầu bà Võ Thị L bồi thường thiệt hại do xâm phạm tài sản của ông với số tiền 1.000.000 đồng do xô ngã các trụ dừa và tiền nhân công.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M2 trình bày :

Con mương đã được hình thành từ rất lâu và thông ra sông lớn, từ lâu con mương này được nhiều người dân tham gia vận chuyển và đi lại. Trước đây con mương có chiều rộng xuống 09 lá ra vào được nhưng hiện nay con mương đã thu hẹp do ông M cắm cừ và do dừa lá hai bên mọc lấn ra. Ông M cắm các trụ dừa nhưng không thông báo cho bà L biết dẫn đến bà L không bơi xuống ra vào được. Nay, ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại với số tiền 1.000.000 đồng ông không đồng ý vì bà L chỉ hạ có 02 trụ dừa vì 02 trụ này làm hẹp lối đi bằng xuống nhỏ để đóng đáy và cắt cỏ bờ. Về lá dừa nước bà L chỉ chặt để vừa ghe đi không làm chết lá hay phá hoại. Ông M cho rằng một mình bà L chặt phá là không đúng vì những người tham gia đi lại trên con mương này đều có quyền chặt những tàu lá lấn ra ngoài để làm thông thoáng lối đi. Theo quy ước của ấp thì không trồng lá dừa nước, cây có tán lá rộng ở mương ranh, ranh đất. Ông M cắm các trụ dừa để ngăn sặc lở đất nhưng không xác định được ranh đất, không thông báo cho người tham gia đi lại trên mương, làm hẹp lối đi của mương nên bà L hạ 02 trụ dừa để đi lại là đúng và cũng không gây hư hại gì tài sản của ông M. Trường hợp ông M chứng minh được các trụ dừa ông cắm nằm trên phần đất của ông thì bà L sẽ đồng ý bồi thường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

- Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bà Võ Thị L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L bồi thường cho ông tiền công thuê người làm 500.000đồng, tiền công của ông làm 300.000đồng, vợ ông 150.000đồng. Tổng cộng 950.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông M. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M. Buộc bà L bồi thường cho ông M số tiền 380.000đồng (ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị L bồi thường cho ông thiệt hại do tài sản bị xâm hại số tiền 1.000.000đồng do 05 cây trụ dừa ông cừ chống sạt lở bị bà L chặt dây xô ngã. Số tiền ông yêu cầu bồi thường 1.000.000đồng. Ông kháng cáo yêu cầu bà L bồi thường cho ông số tiền 950.000đồng. Bị đơn bà Võ Thị L thừa nhận có hạ 02 trụ dừa của ông M nhưng bà không đồng ý bồi thường vì 02 trụ dừa này làm hẹp lối đi con xẻo chung có

từ lâu đời. Tuy nhiên, việc bà L cắt dây làm ngã trụ dứa của ông M là có lỗi vì nếu bà L không qua lại được con xẻo do ông M cấm trụ dứa thì phải yêu cầu ông M tháo dỡ làm thông thoáng lối đi, nếu ông M không đồng ý thì báo có quan có thẩm quyền giải quyết. Bà L cho rằng ông M cấm các trụ dứa không đúng phần đất của ông. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của bà L mà không có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác định ông M cấm trụ dứa sai phần đất của ông. Việc bà L tự ý cắt dây làm ngã trụ dứa là xâm phạm đến tài sản của ông M nên ông M khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp.

[2] Về số tiền yêu cầu bồi thường: ông M yêu cầu bà L bồi thường 950.000đồng, gồm tiền công lao động của hai vợ chồng ông 450.000đồng/ ngày, tiền thuê hai người cấm trụ dứa là 500.000đồng/ ngày. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2019, ông M có cấm 05 trụ dứa chiều cao khoảng 01m, có 03 trụ dứa ngã qua phần đất ông Mười, 01 trụ nghiêng khoảng 30 độ, 01 trụ còn đứng. Bà L chỉ thừa nhận hạ 02 trụ dứa. Vậy tài sản của ông M không bị thiệt hại hoàn toàn. Tại biên bản xác minh của tổ hòa giải ấp 2, xã H thì ông Lương Văn Thành cho rằng ông M thuê ông cấm 5 trụ dứa 200.000đồng/ngày. Ông Nguyễn Văn Tâm có đơn xác nhận ông M thuê ông 300.000đồng/ngày. Mức bồi thường ông M yêu cầu phù hợp theo mức lương lao động phổ thông tại địa phương. Do tài sản không thiệt hại hoàn toàn nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông M là $\frac{2}{5} \times 950.000\text{đồng} = 380.000\text{đồng}$ (ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận một phần nên ông M phải chịu án phí số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng); do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Võ Thị L phải chịu án phí số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng);

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

- Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bà Võ Thị L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền 380.000đồng (ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002450 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu. Hoàn lại cho ông M tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006350 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương